SO SÁNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIỮA BA NƯỚC TRUNG QUỐC-HÀN QUỐC-VIỆT NAM

Hồ Quế Hậu*

Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam là một nhiệm vụ rất mới và do đó chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn vững chắc. Vì vậy, việc nghiên cứu tổng kết và tiếp thu những bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới là một việc làm cần thiết. Bằng phương pháp phân tích so sánh xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam thời gian qua với kinh nghiệm của các nước Trung Quốc và Hàn Quốc, nghiên cứu này đã cho thấy rằng, nếu Hàn Quốc thực thi xây dựng nông thôn mới theo mô hình chính sách mềm và từ dưới lên, nhà nước chỉ có định hướng chung và trong tổ chức thực hiện quan tâm nhiều đến vai trò đóng góp nguồn lực, công sức, sáng kiến, quản lý của người dân và cơ sở thì Trung Quốc, Việt Nam thực hiện mô hình chính sách cứng và từ trên xuống; chủ yếu phát huy thế mạnh của sự định hướng chiến lược, quản lý, nguồn lực tập trung thống nhất từ phía Nhà nước từ cấp trung ương xuống bằng các tiêu chí, chỉ tiêu, chuẩn mực, chế độ, thủ tục cụ thể.

Từ khóa: Chính sách, nông thôn, nông thôn mới, nông nghiệp, nông dân

1. Giới thiệu

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn với mục tiêu: "Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường". Kể từ khi có Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4-6-2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010– 2020, xây dựng nông thông mới ở Việt Nam đã triển khai thực hiện được hơn ba năm với nhiều thành tựu đáng kể đồng thời cũng bắt đầu bộc lộ một số hạn chế tồn tại nhất định về quan điểm nhận thức cũng như về tổ chức thực hiện cụ thể cần làm rõ để có giải pháp thực hiện tốt hơn trong thời gian tới. Nhằm mục đích đó, việc so sánh xây dựng nông thôn mới đang được triển khai ở Việt Nam với xây dựng nông thôn mới của Trung Quốc và Hàn Quốc, hai quốc gia có đặc điểm kinh tế-xã hội tương đồng với Việt Nam là một hướng nghiên cứu rất cần thiết, giúp rút ra những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhất định. Bài viết đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin thứ cấp để so sánh bối cảnh, mục tiêu, quan điểm nhận thức và phương thức xây dựng nông thôn mới giữa ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc để từ đó nhận thức rõ hơn đặc điểm của mô hình chính sách cơ bản và ưu, nhược điểm trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam và kiến nghị một số giải pháp để nâng cao hiệu quả xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới.

2. Sự tương đồng về bối cảnh ra đời và mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới

Ba nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam có những đặc điểm tương đồng: Khi bước vào thời kỳ thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới đều là những quốc gia đang phát triển; đều là những quốc gia có sự tương đồng về văn hóa Á Đông, được xem là những quốc gia "đồng văn, đồng chủng" thấm đượm tinh thần Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo lâu đời và đều là những quốc gia quan trọng của khu vực Châu Á- Thái Bình Dương phát triển năng động của thế giới hiện đại. Ở cả ba nước công cuộc xây dựng công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được thực hiện một thời gian nhất định trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới; đã mang lại những thành tựu đáng kể cho sự phát triển kinh tế-xã hội nhưng chủ yếu là ở khu vực công nghiệp đô thị nhưng lại tạo ra mâu thuẫn

sâu sắc với một khu vực nông thôn nghèo nàn lạc hậu có nguy cơ gây mất ổn định. Mặt khác nhờ khu vực công nghiệp đô thị đi trước một bước trong quá trình phát triển đã có điều kiện kinh tế- kỹ thuật để hỗ trợ nông nghiệp nông thôn phát triển theo.

Ở Trung Quốc, chủ trương xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa (XHCN) được chính thức khởi xướng từ năm 2006 tại Văn kiện số 1-2006 và Cương yếu của Đảng Cộng sản Trung Quốc và phiên họp thường kỳ của Hội nghị chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc (diễn ra từ 5 đến 14-3-2006) đã quyết định điểm then chốt của kế hoạch năm năm lần thứ 11 (2006-2010) sẽ là việc xây dựng nông thôn mới XHCN.

Ở Hàn Quốc, phong trào "Saemaulundong" được đích thân Tổng thống Park phát động vào ngày 22/4/1970. "Saemaul" theo nghĩa tiếng Hàn là "Sự đổi mới của cộng đồng" được ghép với "undong" có nghĩa là một phong trào và cụm từ "Saemaulundong" có nghĩa là phong trào đổi mới cộng đồng. Vì phong trào bắt đầu từ nông thôn nên "Saemaulundong" được hiểu là "Phong trào đổi mới nông thôn" (Phạm Xuân Liêm, 2011).

Ở Việt Nam**,** chủ trương xây dựng *nông thôn mới* tuy được đề cập đến trong Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhưng chỉ được chính thức phát động trong Quyết định Số: 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

Chiến lược xây dựng nông thôn mới giữa ba nước có sự tương đồng về mục tiêu. Ở Hàn Quốc chương trình làng mới đặt ra 4 mục tiêu chính: (i) Tăng thu nhập cho nông dân; (ii) Cải thiện môi trường sống; (iii) Nâng cấp kết cấu hạ tầng; (iv) Khuyến khích phát triển đời sống tinh thần và quan hệ xã hội ở nông thôn (Thạch Hoàng Minh, 2011). Trong 4 mục tiêu trên Hàn Quốc xem trọng yêu cầu làm thay đổi suy nghĩ thụ động, và ỷ lại tồn tại ở phần lớn nhân dân sống trong khu vực nông thôn; làm cho nông dân có niềm tin và trở nên tích cực đối với sự nghiệp phát triển nông thôn, làm việc chăm chỉ, độc lập và cộng đồng. Xây dựng nông thôn mới tạo ra công ăn việc làm cho người lao động nông thôn, vừa kích cầu tiêu thụ sản phẩm cho công nghiệp nhất là xi măng, sắt thép đang dồi dào và giá rẻ vừa xây dựng được cơ sở hạ tầng ở nông thôn (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012).

Ở Trung Quốc, chương trình nông thôn mới XHCN đề ra 4 mục tiêu: (i) Sản xuất phát triển; (ii) Đời sống sung túc; (iii) Thôn làng văn minh; (iv) Quản lý dân chủ. Đó cũng là thực hiện: Văn minh vật chất, văn minh tinh thần và văn minh chính trị. Tăng thu nhập và chất lượng cuộc sống: mục tiêu cốt lõi của xây dựng nông thôn mới. Văn minh nông thôn: nâng cao tố chất đầy đủ cho nông dân. Ngay ngắn sạch sẽ: cải thiện tình trạng sinh sống của nông dân. Dân chủ quản lý: kiện toàn chế độ tự chủ nhân dân nông thôn. Chú trọng xây dựng hình mẫu người nông dân: Có văn hóa, hiểu kỹ thuật, biết kinh doanh (Nguyễn Xuân Cường, 2006). Cũng có thể hiểu rằng xây dựng nông thôn mới là phải nhịp nhàng toàn diện, thúc đẩy xây dựng kinh tế nông thôn, xây dựng chính trị, xây dựng văn hoá, xây dựng xã hội và xây dựng tổ chức hạ tầng nông thôn (Hoàng Thế Kiệt, 2010).

Ở Việt Nam, đề ra 8 mục tiêu: (i) Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; (ii) cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; (iii) gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; (iv) xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; (v) môi trường sinh thái được bảo vệ; (vii) an ninh trật tự được giữ vững; (viii) đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Việt Nam đề ra 11 nội dung của xây dựng nông thôn mới đó là: (i) Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; (ii) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; (iii) Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; (iv) Giảm nghèo và an sinh xã hội; (v) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn; (vi) Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn; (vii) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn; (viii) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn; (ix) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; (x) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn; (xi) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn (Quyết định 800/QĐ-Ttg).

3. Sự khác biệt về quan điểm và phương thức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Ở Hàn Quốc việc xác định nguồn lực cho phát triển nhấn mạnh động lực "phát triển tinh thần của nông dân", lấy kích thích vật chất nhỏ và chính sách để kích thích mạnh tinh thần thi đua và qua đó phát huy nội lực tiềm tàng to lớn của nông dân (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012). Ngay từ đầu, phong trào đổi mới nông thôn đã đề cao "Tinh thần Saemaul" gồm 3 thành tố: "Chăm chỉ - Tự lực - Hợp tác". Cơ sở để hình thành tinh thần này là: "Chăm

chỉ" là động cơ tự nguyện của người dân, không ngừng vượt qua khó khăn để tiến tới thành công, "Tự lực" là ý chí bản thân, tinh thần làm chủ, chịu trách nhiệm về cuộc sống và vận mệnh của bản thân và "Hợp tác" là nhận thức về mong muốn phát triển cộng đồng phải nhờ vào nỗ lực của tập thể (Phạm Xuân Liêm, 2011).Vào năm thứ nhất (1971): Chính phủ Hàn Quốc cấp cho 32 ngàn xã, mỗi xã 355 bao xi măng để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn với khoảng 16 dự án chi tiết như làm đường, làm kênh, làm cầu, mắc điện, điện thoại, cấp thoát nước, ngói hóa, hội trường, nhà tắm công cộng, sân chơi trẻ em… (Phạm Xuân Liêm, 2011; Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012) và giao cho xã tổ chức thực hiện toàn bộ kế hoạch dựa trên nguồn lực là ngân sách xã và lực lượng lao động sẵn có. Sau một năm, có 16 ngàn xã (50%) đạt được mục tiêu đề ra. Vào năm thứ hai: Chính phủ quyết định tiếp tục cấp thêm cho những xã tự vươn lên bằng chính sức mình 500 bao xi măng và 1 tấn thép. Kết quả nhà tranh vách đất được thay thế bằng nhà gạch, đường sá được mở rộng, đê điều được tu bổ, cầu cống được xây dựng… Đặc biệt, chương trình này đã giúp cho người dân nông thôn xoá được mặc cảm, tự vươn lên, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế và đô thị (Phạm Xuân Liêm, 2011; Thạch Hoàng Minh, 2011).

Năm 1973, vào năm thứ 3 của phong trào, chính phủ đã tiến hành phân loại các thôn theo tiêu chuẩn phát triển và sự tham gia của người dân (vốn, công lao động) thành: Chính phủ chia 32 ngàn xã làm 3 loại: *Cơ sở - Tự lực - Tự lập* để hỗ trợ kinh phí trên cơ sở cấp độ phát triển của từng loại xã và tiếp tục phát triển các dự án sau để phù hợp với yêu cầu nông thôn mới (Phạm Xuân Liêm, 2011; Thạch Hoàng Minh, 2011). "Thôn cơ sở" hầu như chưa có sự tham gia đáng kể của người dân, sẽ nhận được sự hỗ trợ các dự án cải thiện môi trường và cần phải nâng cao ý thức người dân. "Thôn tự lực" đã có tỷ lệ người dân tham gia khoảng 50%, sẽ được hỗ trợ các dự án môi trường, dự án nâng cao thu nhập. "Thôn tự lập" là các thôn có 100% người dân tham gia phong trào được ưu tiên hỗ trợ các dự án nâng cao thu nhập, dự án phúc lợi văn hóa. Sự đầu tư theo nhóm năng lực đã mang lại kết quả tốt, hiệu quả đầu tư cao. Vào năm 1973, còn 31% "Thôn cơ sở" và chỉ có 12% "Thôn tự lập", nhưng đến cuối năm 1978 gần như 100% đạt số "Thôn tự lập" (Phạm Xuân Liêm, 2011; Thạch Hoàng Minh, 2011).

Tuy có sự hỗ trợ của nhà nước nhưng tinh thần tự lực, tự lập của nông dân Hàn Quốc vẫn đóng vai trò chủ yếu. Nhà nước bỏ ra 1 (chủ yếu là vật tư xi măng sắt thép...) thì nhân dân bỏ ra 5-10 (công sức và tiền của). Sự giúp đỡ của nhà nước trong năm đầu chiếm tỷ lệ cao, dần dần các năm sau, tỷ lệ hỗ trợ của Nhà nước giảm trong khi qui mô địa phương và nhân dân tham gia tăng dần.

Theo báo cáo của một chuyên gia kinh tế Hàn Quốc, trong vòng 10 năm triển khai "Saemaulundong" từ 1971-1980, tổng kinh phí đầu tư cho các dự án là 3.425 tỷ won (tương đương khoảng 3 tỷ USD). Trong số đó đóng góp của người dân chiếm phần lớn 49,4%; hỗ trợ của chính phủ chỉ 27,8%; phần còn lại là các khoản nông dân vay của các tổ chức tín dụng. Nếu tính cả phần vốn vay, sự đóng góp của người dân là 72,2%. Thực tế cho thấy sự hỗ trợ của chính phủ trong giai đoạn đầu là rất quan trọng, nhưng rõ ràng sự đóng góp của người dân mới quyết định thành công của các dự án (Phạm Xuân Liêm, 2011).

Ở Trung Quốc, do khi bước vào xây dựng nông thôn mới XHCN quốc lực đã mạnh, ngân sách nhà nước đã dồi dào mà mâu thuẫn xã hội đô thị-nông thôn khá gay gắt. Công nghiệp đã phát triển, đủ sức nuôi nông nghiệp; thành thị hỗ trợ nông thôn nên Trung Quốc chủ trương *"cho nhiều lấy ít, làm sống động nông thôn"*(Nguyễn Xuân Cường, 2006) tăng cường cơ sở nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân, bảo đảm quyền lợi và lợi ích của nông dân, thúc đẩy nông thôn hài hoà (Hoàng Thế Kiệt, 2010). Nguồn kinh phí xây dựng nông thôn mới XHCN tập trung từ nguồn ngân sách nhà nước và địa phương, một phần của dân và huy động các nguồn lực xã hội khác. Để hỗ trợ nông dân Trung Quốc thực hiện biện pháp chủ yếu là "3 thủ tiêu, 2 điều chỉnh, 1 cải cách". Thực hiện chế độ phụ cấp trực tiếp cho những cơ sở và người sản xuất nông nghiệp (phụ cấp về giống lương thực, phụ cấp giống tốt, phụ cấp tổng hợp vật tư nông nghiệp, phụ cấp công cụ máy nông nghiệp) (Hoàng Thế Kiệt, 2010). Xóa bỏ thuế nông nghiệp, bỏ thuế sát sinh và các thu phí khác có tính chất hành chính như ngân sách giáo dục nông thôn, góp vốn. Bỏ công lao động tích luỹ và công nghĩa vụ đã thống nhất quy định. Giảm nhẹ gánh nặng cho nông dân, tăng thu nhập cho người nông dân, thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị và nông dân (Tạp chí Cộng sản, 2012; Hoàng Thế Kiệt, 2010). Gia tăng đầu tư cho nông nghiệp nông thôn về cơ sở hạ tầng, nước sạch, điện. Xây dựng "6 công trình nhỏ ở nông thôn" đó là công trình tiết kiệm nước, cung cấp nước sạch, bê tông hóa giao thông nông thôn, biogas, làm hàng rào quanh đồng cỏ, trạm thủy điện nhỏ. Hỗ trợ hạt giống, máy móc nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm (Hoàng Thế Kiệt, 2010).

Đi đôi với sự hỗ trợ mạnh của Nhà nước, Trung Quốc cũng xác định "Nông thôn phát triển theo đặc

điểm bản thân, Nhà nước chỉ hỗ trợ"(Nguyễn Xuân Cường, 2006). Huy động đầy đủ tính tích cực của đông đảo nông dân, tính chủ động, tính sáng tạo, đẩy kinh tế xã hội nông thôn phát triển vừa nhanh vừa tốt. Đề ra phương án sở hữu *"nông dân công"*. Năm 2006 đề ra một số ý kiến của Quốc hội về giải quyết vấn đề "nông dân công". (Hoàng Thế Kiệt, 2010) Trung Quốc đã khôi phục và phát triển *công nghiệp hương trấn*: Năm 2004 giá trị gia tăng tăng 13,5%, thu hút 138,4 triệu lao động (Nguyễn Xuân Cường, 2006). Phá dỡ các rào cản lao động nông nghiệp đến thị trường lao động đô thị thúc đẩy kinh doanh sản nghiệp hàng nông nghiệp. Mục đích nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn đó là: kinh doanh quy mô nhỏ và phân tán trong nông nghiệp; Sản xuất tách rời thị trường; Hệ thống dịch vụ phục vụ xã hội/dịch vụ công không hoàn thiện; Nâng cao trình độ tổ chức của nông dân, đưa nông dân tiếp cận với thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh nông nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân (Phan Thị Hiền, 2008).

Ở Việt Nam, nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới theo quyết định 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được xác định là sự tổng hợp các nguồn lực: Nhà nước, xã hội và nhân dân. Trong đó Nhà nước khoảng 40%, vốn tín dụng 30%, vốn doanh nghiệp 20% và phần đóng góp của nhân dân chỉ 10%. Ngoài ra ở Việt Nam còn có đến 13 chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được xem là nguồn vốn lồng ghép phục vụ cho chương trình xây dựng nông thôn mới (Quyết định Số: 800/QĐ-TTg). Trên thực tế thực hiện phần vốn tín dụng chiến đến 45%, vốn Nhà nước khoảng 35% vốn doanh nghiệp khoảng 14% còn phần đóng góp của nhân dân chỉ khoảng 6%, tập trung chủ yếu huy động sự đóng góp của nhân nhân trong các công trình giao thông nông thôn ở cấp xã, thôn theo phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*.

Phần vốn nhà nước tập trung cho việc đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã, xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư. Nhà nước hỗ trợ một phần từ ngân sách cho đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; nhà văn hóa thôn, bản; công trình thể thao thôn, bản; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản (Quyết định số 800/QĐ-TTg).

Với quan điểm xem *"nông dân là chủ thể"* của công cuộc xây dựng nông thôn mới, Việt Nam cũng xem trọng việc khơi dậy tiềm năng chủ động sáng tạo vốn có của người nông dân Việt Nam không chỉ trong việc đóng góp công của cho xây dựng hạ tầng, mà chủ yếu là trong lĩnh vực phát triển sản xuất với nhiều mô hình được phát triển rộng khắp như: phát động phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", sản xuất rau, cây ăn quả theo tiêu chuẩn Viet-GAP, Global-GAP, phát triển cây con chủ lực; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp; xây dựng cánh đồng mẫu lớn; thực hiện qui trình kỹ thuật 3 giảm,3 tăng và 1 phải 5 giảm; phát triển làng nghề nông thôn… Nhờ vậy mà Việt Nam đã trở thành quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về các loại cây con như: lúa gạo, tiêu, điều, cà phê, cao su, thủy sản…

Về phát huy vai trò làm chủ và sức mạnh cộng đồng của người dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới, cách làm của Hàn Quốc có nhiều thành công nổi bậc. Tự bản thân tên gọi phongtrào "Sae-maulundong" với ý nghĩa "Sự đổi mới của cộng đồng" đã nói lên tư tưởng chủ đạo của Hàn Quốc trong xây dựng nông thôn thôn mới không trông chờ ỷ lại vào Nhà nước mà là sự khơi dậy tinh thần tự lực và hợp tác của nông dân. Hàn Quốc đề ra 5 phương pháp thực hiện phong trào đó là: (i) Kích thích sự tham gia của người dân bằng những lợi ích thiết thực; (ii) Phát triển cộng đồng xã hội; (iii) Phân cấp phân quyền quản lý và thực hiện dự án; (iv) Tăng cường năng lực của lãnh đạo địa phương; (v) Phát huy dân chủ, sức sáng tạo của nhân dân (Thạch Hoàng Minh, 2011).

Để làm được việc đó, trong công tác tổ chức ở cấp cơ sở, Hàn Quốc đã cho thành lập các Uỷ ban phát triển làng mới từ 5-10 người. Các ủy viện ủy ban có thể là người đứng đầu chính quyền địa phương, hiệu trưởng trường học, trưởng đồn cảnh sát, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, bác sĩ, công tố viên… và những người đại diện khác. Dân làng bầu ra một lãnh đạo nam và một nữ và độc lập với chính quyền, các tổ chức chính trị và không nhận thù lao. Chính quyền đặc biệt coi trọng vai trò của lãnh đạo tôn giáo, các văn nghệ sĩ và báo chí trong việc tuyên truyền cho toàn xã hội hướng về nông thôn thực hiện cả nước nhiệt tình ủng hộ nông thôn vươn lên. Phát huy dân chủ, để cho nông dân tự đưa ra quyết định lựa chọn công trình, phương thức đóng góp, giải pháp xây dựng, tự chịu trách nhiệm quản lý giám sát công trình. Nhà nước tiến hành nghiên cứu và phổ biến các tiêu chuẩn kỹ thuật và thiết kế mẫu để nhân dân áp dụng chứ không áp đặt (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012).

Ở Trung Quốc, Hội nghị toàn thể lần 3 khoá 16 của Đảng cộng sản Trung Quốc (2003) đưa ra quan điểm khoa học về phát triển tức là "Con người là chủ thể, xây dựng toàn diện, hài hoà bền vững". Xây dựng văn minh chính trị được xem là một mục tiêu của xây dựng nông thôn mới XHCN mà nội dung của nó là quản lý dân chủ kiện toàn chế độ tự chủ nhân dân nông thôn, tiến hành phương thức bầu trưởng thôn một cách dân chủ thật sự (Hoàng Thế Kiệt, 2010; Nguyễn Xuân Cường, 2006).

Ở Việt Nam, xây dựng nông thôn mới lấy nông dân làm chủ thể, phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo tinh thần "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng", "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Tuy nhiên do phần lớn cho xây dựng hạ tầng là vốn nhà nước phải thực hiện theo thủ tục tài chính và và xây dựng cơ bản do Nhà nước qui định. Các công trình, dự án phải tuân thủ các tiêu chí, qui chuẩn của các bộ chuyên ngành cho nên đứng về góc độ nào đó việc phát huy tính tự chủ của cơ sở còn có sự hạn chế. Mặt khác cũng như Trung Quốc, Việt Nam là một nước theo thể chế chính trị XHCN vì vậy việc phát huy dân chủ nông thôn ở trong khuôn khổ: Đảng lãnh đạo-Nhà nước quản lý-Nhân dân làm chủ. Vì vậy Ban quản lý xây dựng nông thôn mới ở cấp xã và ban phát triển thôn tuy có sự tham gia của đại diện các đoàn thể quần chúng, các đại diện nhân dân nhưng do lãnh đạo chính quyền làm người chủ trì điều hành.

*Về hệ thống tổ chức điều hành***,** điểm đặc sắc của Hàn Quốc và Việt Nam so với Trung Quốc là sự hình thành một hệ thống tổ chức điều hành tập trung, thống nhất, xuyên suốt từ cấp trung ương đến cơ sở cho chương trình xây dựng nông thôn mới. Hàn Quốc tổ chức chương trình từ cơ sở đến trung ương thông qua hình thức ủy ban phát triển samual-undong. Ở cấp trung ương, tổng thống trực tiếp phụ trách chương trình. Bộ trưởng bộ Nội vụ đứng đầu ủy ban phối hợp trung ương, với 12 điều phối viên là các thứ trưởng các bộ: Kế hoạch kinh tế, ngoại giao, giáo dục, nông nghiệp và thủy sản, thương mại và công nghiệp, xây dựng, y tế và các vấn đề xã hội, thông tin và văn hóa. Trợ lý bộ trưởng bộ không bộ làm chủ nhiệm văn phòng phát triển nông thôn (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012). Việt Nam có Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Phó thủ tướng làm trưởng ban chỉ đạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của chương trình và trực tiếp quản lý văn phòng điều phối chương trình, các thành viên ban chỉ đạo là thứ trưởng hoặc tương đương của hầu hết các bộ, ban, ngành, đoàn thể.

Về một số vấn đề khác như tổ chức phong trào thi đua, công tác đào tạo cán bộ, bước đi, mô hình phát triển nông thôn mỗi quốc gia trong ba nước đều có những nét đặc sắc riêng. Ở Hàn Quốc, việc phát huy tinh thần thi đua trong xây dựng nông thôn mới rất được xem trọng. Tuy mục tiêu của chương trình là xóa nghèo nhưng phong trào không lấy xã nghèo để làm tiêu chuẩn đầu tư mà chỉ ưu tiên cho những địa phương thực hiện phong trào thành công theo kết quả đánh giá theo những tiêu chí rõ ràng cụ được công bố hàng năm. Trong 3 loại thôn: *Cơ sở - Tự lực - Tự lập* chỉ những thôn đạt tiêu chí của giai đoạn trước mới được tham gia giai đoạn sau vì vậy thể kích thích thi đua mạnh mẽ. Ngoài ra, đã có huy chương, bài hát, cờ hiệu, đồng phục để tạo ra khí thế cho phong trào (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012). Về công tác đào tạo cán bộ, Chính phủ Hàn Quốc đã thành lập "Viện đào tạo lãnh đạo Saemaul" và sau này trở thành "Học viện trung ương bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo đổi mới nông thôn". Mỗi xã được cử 1 cán bộ đi học. Khóa học nhấn mạnh vào sự cống hiến quên mình và nêu gương cho quần chúng của người lãnh đạo. Thời lượng của các khoá học ban đầu là 2 tuần tập trung, sau rút ngắn còn 1 tuần và hiện nay là 3 ngày và 2 đêm (Phạm Xuân Liêm, 2011).

Nét riêng trong xây dựng nông thôn mới còn thể hiện ở việc ra các bước đi khác nhau cho phong trào. Nếu ở Trung Quốc, Việt Nam có cách tiếp cận tương đối toàn diện đồng thời các nội dung xây dựng nông thôn mới thì ở Hàn Quốc việc phân chia 3 loại thôn *Cơ sở - Tự lực - Tự lập* còn có ý nghĩa vạch ra bước đi cụ thể cho phong trào. Loại thôn cơ sở chủ yếu thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, loại thôn tự lực vừa tiếp tục nâng cao cơ sở hạ tầng vừa bắt đầu thực hiện các dự án sản xuất, loại thôn tự lập chủ yếu thực hiện các dự án phát triển sản xuất, nâng cao đời sống (Thạch Hoàng Minh, 2011). Cách lựa chọn các bước đi như thế là phù hợp với khả năng tài chính và năng lực tổ chức thực hiện của cả Nhà nước và nhân dân.

Ở Trung Quốc, điểm nổi bật là việc hình thành các mô hình xây dựng phát triển nông thôn. Mô hình 1: Kiểu sản nghiệp dẫn trước (chuyên môn hóa, qui mô lớn). Dựa vào ưu thế sẵn có của địa phương như tài nguyên, kỹ thuật, thị trường… trong trồng trọt, chăn nuôi để tạo ra một sản phẩm đặc thù hoặc tạo ra một khối lượng nông sản nhiều, hình thành mỗi thôn một sản phẩm, một thôn một nghề, từ đó kéo theo sự phát triển tổng hợp nông thôn. Mô hình 2: Kiểu du lịch sinh thái. Thiên nhiên đã tạo nên non xanh nước biếc, con người tạo nên vườn sinh thái. Kiến trúc cổ được người hiện đại yêu thích nhất là tham quan nông nghiệp, nghỉ ngơi dưới thôn xã đã

làm cho tốc độ phát triển của nông thôn mới ngày càng nhanh, trở thành một kiểu mô hình nông thôn mới. Mô hình 3: Chính phủ chỉnh đốn thôn, kiểu đẩy mạnh. Sau khi chỉnh đốn thôn, xây dựng lại hoặc do nguyên nhân khác cần phải dọn đi toàn bộ, thôn sẽ được Chính phủ thống nhất quy hoạch, đầu tư tài chính, giúp xây dựng cơ sở hạ tầng đường xá, nước, điện… và xây dựng kết cấu công cộng như nhà văn hoá, thể dục thể thao, câu lạc bộ vui chơi, nghỉ ngơi… Phụ cấp thích đáng cho nhân dân thôn, chỉ đạo dân thôn tích cực góp vốn xây dựng vườn nhà mới. Mô hình 4: kiểu phát triển thành trấn hoá. Tham khảo bố cục, cơ cấu, chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của thành phố thị trấn, thực hiện "xây dựng đầy đủ, chức năng hoàn thiện, đường nối nhau", quần chúng không ra khỏi thôn vẫn có thể giải quyết vấn đề hàng ngày như ăn, ở, đi lại, vui chơi, học hành, chữa bệnh… làm cho xây dựng nông thôn mới với quá trình Thành Trấn hoá có mối liên kết hữu cơ (Hoàng Thế Kiệt, 2010).

Ở Việt Nam, về đường lối chủ trương, không phải đến năm 2008 Chính phủ mới quan tâm đến vấn đề nông nghiệp- nông dân-nông thôn. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam theo hướng phát triển bền vững luôn gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội. Đường lối công nghiệp hóa –hiện đại hóa của Việt Nam đặt ra yêu cầu từ đầu trước hết phải công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, chỉ trong vòng 15 năm từ 1993 đến 2008, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã có đến 3 lần ra Nghị quyết về vấn đề này. Tuy việc thực hiện các nghị quyết đó đã có nhiều kết quả nhưng chỉ đến khi có việc phát động chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để thực hiện Nghị quyết 26 thì vấn đề phát triển nông thôn mới thực sự đi vào cuộc sống với một khí thế và quyết tâm chưa từng có của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân.

Điểm mới nổi bậc chính là ở chỗ, lần đầu tiên Việt Nam có một chương trình xây dựng nông thôn có bài bản rõ ràng. Sau 3 năm làm thí điểm ở 11 xã (từ 2008 đến 2010) mới tổng kết kinh nghiệm và chính thức phát động chương trình. Chương trình đã được định hướng bằng 19 tiêu chí và được lượng hóa thành 39 chỉ tiêu cụ thể; được hướng dẫn chi tiết bởi các chuẩn mực quốc gia từ các bộ ngành trung ương. Vì vậy, nó có tính định hướng làm chỗ dựa cho các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện. Đồng thời nó đã kích thích mạnh mẽ tinh thần thi đua phấn đấu từ người dân cho đến chính quyền các cấp ra sức thực hiện chương trình. Điều đó đánh dấu một bước phát triển mới của chính phủ Việt Nam về tư duy làm chính sách và thực hiện chính sách và là một điểm đặc sắc của Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới.

4. Đặc điểm của mô hình chính sách, đánh giá ưu nhược điểm và kiến nghị một số giải pháp để nâng cao hiệu quả xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Tổng quát lại qua phân tích cụ thể cho thấy rằng: tuy bối cảnh và mục tiêu, nội dung và kết quả của chương trình xây dựng nông thôn mới của ba nước Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam tuy không khác nhau mấy, nhưng sự khác nhau ở phương thức thực thi. Nếu Hàn Quốc thực thi xây dựng nông thôn mới theo mô hình chính sách mềm và từ dưới lên, Nhà nước chỉ có định hướng chung và không có hệ thống lý luận ngay từ đầu, còn trong tổ chức thực hiện thì quan tâm nhiều đến vai trò đóng góp nguồn lực, công sức, sáng kiến, quản lý của người dân và cơ sở thì Trung Quốc, Việt Nam thực hiện mô hình chính sách cứng và từ trên xuống, chủ yếu phát huy thế mạnh của sự định hướng chiến lược, quản lý, nguồn lực tập trung thống nhất từ phía Nhà nước từ cấp trung ương xuống bằng các tiêu chí, chỉ tiêu, chuẩn mực, chế độ, thủ tục cụ thể. Mỗi cách làm đều có ưu nhược điểm riêng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và thể chế chính trị của từng quốc gia. Tuy nhiên qua phân tích so sánh cũng cho phép có sự học hỏi kinh nghiệm và bổ sung cho nhau về lý luận và thực tiễn để nâng cao hơn nữa hiệu quả của chương trình xây dựng nông thôn mới mang lại hạnh phúc cho nông dân và sự phát triển của nông thôn của mỗi nước.

Phân tích so sánh trên đây và căn cứ vào đặc điểm của Việt Nam cho thấy, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Việt Nam có những ưu điểm sau: (i) Đã có sự kế thừa và phát huy những thành quả của các chủ trương chính sách thương xuyên lâu dài của Nhà nước theo chiến lược "Phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội" "Công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước phải trước hết thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn". Vì vậy, khoảng cách phát triển nông thôn- thành thị khi bước vào xây dựng nông thôn mới không quá lớn như Trung Quốc có tỉ lệ thu nhập nông thôn so với thành thị 1-3,28 lần vào năm 2006, (Hoàng Thế Kiệt, 2010), trong khi ở Việt Nam khoảng cách đó chỉ là 1-2 lần vào năm 2010; (ii) Chương trình được triển khai khá bài bản hầu như theo mô hình chính sách cứng và từ trên xuống nên ngay từ đầu đã có hệ thống lý luận, chiến lược, kế hoạch, tiêu chí, chuẩn mực cụ thể nên việc triển khai khá nhanh và tương đối đồng bộ, thống nhất trong cả nước tương tự như Trung Quốc nhưng khác với Hàn Quốc theo mô hình chính sách từ dưới lên. Tuy

nhiên mô hình chính sách của Việt Nam cơ bản phù hợp với điều kiện của mình vì Việt Nam là nước thực hiện xây dựng nông thôn mới đi sau Hàn Quốc 40 năm và sau Trung Quốc 4 năm nên có điều kiện học tập kinh nghiệm của các nước đi trước để có thể thiết kế được một chương trình xây dựng nông thôn mới có tính tập trung thống nhất ngay từ đầu và mô hình này cũng phù hợp đặc điểm tính chất của hệ thống chính trị XHCN của Việt Nam theo cơ chế *"Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ",* tương đồng với thể chế chính trị của Trung Quốc nhưng khác biệt với Hàn Quốc là một nước theo chế độ chính trị dân chủ đa nguyên; (iii) Nội dung chương trình khá toàn diện từ công tác qui hoạch đến phát triển sản xuất, nâng cao đời sống đến xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, môi trường, an ninh trật tự, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Tính toàn diện như vậy là phù hợp với Việt Nam là nước nông thôn có mức sống và cơ sở hạ tầng nông thôn đã có bước phát triển nhất định khi bước vào xây dựng nông thôn mới với thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn là 676 USD năm 2010. Điều này khá tương đồng với thu nhập dân cư nông thôn Trung Quốc với 400USD/người/năm năm 2006 (Hoàng Thế Kiệt, 2010). Điều này khác biệt với cách làm từng bước, từng giai đoạn của Hàn Quốc trong điều kiện thu nhập GDP bình quân đầu người vào lúc bắt đầu xây dựng nông thôn mới năm 1970 chỉ có 85 USD (Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu, 2012); (iv) Sự kết hợp đồng bộ các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và nhân dân là phù hợp với điều kiện của Việt Nam và khả năng đóng góp của nhân dân tương tự như Trung Quốc, khi ngân sách nhà nước dành sự hỗ trợ đáng kể cho đầu tư xây dựng nông thôn mới, phần dân cư nông thôn Việt Nam chỉ đóng góp 10% ít hơn rất nhiều so với Hàn Quốc, phần nhân dân đóng góp chiếm 74,52% (Phạm Xuân Liêm, 2011).

Tuy nhiên, xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam còn có một số nhược điểm sau: (i) phương thức xác định và kiểm soát nguồn kinh phí theo từng dự án, chương trình cụ thể và các tiêu chí, chuẩn mực, thủ tục, qui trình để thực hiện các nội dung và dự án, công trình, chương trình của các bộ ngành trung ương qui định cho cơ sở còn quá cứng nhắc, có tính chất ràng buộc pháp lý cao, chưa phù hợp với sự đa dạng của các vùng miền, trình độ phát triển và đặc điểm của từng nơi nên gây nhiều khó khăn trong nhận thức và thực hiện của cơ sở và hạn chế sự phát huy tính chủ động sáng tạo của nhân dân; (ii) Các tiêu chí, chỉ tiêu chỉ có một mức nhất định để đạt chuẩn từng tiêu chí, chỉ tiêu và xã nông thôn mới cho mỗi một vùng miền rộng lớn của đất nước, thiếu các bước đi cụ thể theo từng mức độ, giai đoạn khác nhau phù hợp với trình độ phát triển khác nhau của từng thôn, xã. Vì vậy, tiêu chí, chỉ tiêu mặc dù đã điều chỉnh theo vùng miền nhưng vẫn quá thấp đối với xã giàu và quá cao với xã nghèo sẽ không sát thực tế và không kích thích được phong trào thi đua thực hiện của cơ sở về trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời hướng phát triển phong trào do bệnh thành tích sẽ tập trung vào các xã giàu, trái với quan điểm ưu tiên hỗ trợ vùng nghèo, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa của Nhà nước; (iii) Việc phát huy vai trò của nông dân theo phương châm "nông dân là chủ thể" trên thực tế còn rất hạn chế một phần do chỉ tiêu, qui trình, thủ tục cứng nhắc từ các bộ ngành trung ương, một phần do thành phần tổ chức các thành phần tham gia ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã, ban phát triển ấp, thôn không thu hút được các đại diện của cộng đồng dân cư như: các thủ lĩnh tôn giáo, già làng trưởng bản, nhân sĩ trí thức nông thôn mà chủ yếu là rập khuôn theo hệ thống chính trị sẵn có mà thực chất là mọi hoạt động điều hành xây dựng nông thôn mới đều do Ủy ban nhân dân xã đảm trách. Điều này khác hẳn với cách làm của Hàn Quốc khi họ thật sự phát huy vai trò chủ thể của người dân, giao quyền cho người dân tự quyết định công việc phải làm, Nhà nước chỉ hướng dẫn và hỗ trợ.

Để khắc phục các nhược điểm trên phương hướng cơ bản của Việt Nam là cần mềm hóa và dân chủ hóa mô hình chính sách trong tổ chức thực hiện nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Để thực hiện phương hướng đó Việt Nam cần:

Một là, trong khi vẫn chủ trương thực hiện mô hình chính sách cứng và từ trên xuống cần thường xuyên lắng nghe ý kiến phản hồi từ cơ sở và nhân dân để kịp thời điều chỉnh chính sách nhanh nhạy, kịp thời hơn nữa để chính sách sát hơn với thực tế cuộc sống.

Hai là, cần phân loại các xã theo trình độ phát triển, nghèo giàu ít nhất thành 3 loại tương ứng với 3 danh hiệu xã nông thôn mới khác nhau theo 3 hạng nhất, nhì, ba hoặc theo 3 giai đoạn 1,2,3. Trên cơ sở đó để phân tầng từng nội dung, tiêu chí, chỉ tiêu, chuẩn mực thích hợp để cơ sở thực hiện sát với điều kiện thực tế của từng xã, từng vùng miền.

Ba là, cần thay đổi phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước, chuyển từ duyệt kế hoạch và quản lý, kiểm soát theo từng dự án, từng chương trình mục tiêu quốc gia thành việc phân cấp nguồn kinh phí tổng hợp cả gói theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho từng tỉnh, huyện và xã để cơ sở chủ động bố trí sử dụng cụ thể và tự tìm thêm nguồn kinh phí bổ

sung. Theo đó các chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư về nông thôn chỉ có một nguồn ngân sách thống nhất. Các bộ ngành trung ương và địa phương chỉ qui định và kiểm soát nội dung, chế độ, định mức chi của từng dự án, từng chương trình mà không điều tiết kế hoạch chi cho từng chương trình.

Bốn là, đổi mới thành phần tham gia ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã và ban phát triển ấp, thôn có thêm các đại diện khác của cộng đồng các thủ lĩnh tôn giáo, già làng trưởng bản, nhân sĩ trí thức nông thôn và có tư cách pháp nhân, có tính độc lập tương đối với UBND Xã và ban quản lý thôn, ấp, thật sự là tổ chức quản lý toàn bộ chương trình.

Năm là, thật sự thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng"để phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Đồng thời phát động rộng rãi phong trào doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân độ thị tham gia xây dựng nông thôn mới với nhiều hình thức như: đóng góp kinh phí, lao động tình nguyện, kết nghĩa đỡ đầu cho từng dự án từng xã nông thôn mới, tạo ra khí thế thi đua của cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.❐

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Xuân Cường (2006), 'Trung Quốc với việc xây dựng nông thôn mới XHCN', *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số 2(66), tr. 3-12.

Phan Thị Hiền (2008), 'Vài nét về chính sách xây dựng nông thôn mới XHCN ở Trung Quốc', *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số 1(80), tr. 78-83.

Hoàng Thế Kiệt (2010), *Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc*, http://www.hua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php?option=com_docman&task=doc

Phạm Xuân Liêm (2011), *Phong trào đổi mới nông thôn của Hàn Quốc,* http://nongthonmoi.gov.vn/21/209/Phong-trao-doi-moi-nong-thon-cua-Han

Thạch Hoàng Minh (2011), *Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc,* http://baobacgiang.com.vn/11/78158.bgo

Đặng Kim Sơn và Phan Sỹ Hiếu (2012), *Phát triển nông thôn bằng phong trào nông thôn mới (Saemual Udong) ở Hàn Quốc*, http://nongnghiep.vn/nongnghiepvn/vi-vn/72/135/135/97488/

Tạp chí Cộng sản (2012), *Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới,* http://baophutho.vn/kinh-te/201202/Kinh-nghiem-xay-dung-nong-thon

Comparisons on New Rural development among China, South Korea and Vietnam

Abstract:

New Rural development in Vietnam is a new task and therefore, there has been a modest theoretical basis and practical experience in this field. Studying, summarizing and learning practical experiences from other countries are necessary. By analyzing and comparing the new rural development in Vietnam over the past time with experiences of China and South Korea, this study has demonstrated differences among the countries. The new rural development in Korea follows the soft policy and bottom-up approach. The government only provides general orientation, while the role of people and organizations in contributing resources, effort, management initiatives is emphasized. China and Vietnam follow the hard policy and top-down approach. Strategic direction and centered management of resources by the government is emphasized through using criteria, targets, standards, regulations and specific procedures.

Thông tin tác giả:

**** Hồ Quế Hậu,** Tiến sĩ*

- Nơi công tác: UBND Tỉnh Đồng Nai.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp,thể chế kinh tế, phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Một số tạp chí đã đăng công trình nghiên cứu: Tạp chí công nghiệp, Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ email: hoquehau57@yahoo.com.vn